

Số: /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN  
Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**I. Hiện trạng thực hiện hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2014-2018**

**1. Kết quả hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**

Trên địa bàn tỉnh có 15 sản phẩm nông sản đã và đang được thực hiện hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Trong đó có 08 sản phẩm trồng trọt, 05 sản phẩm chăn nuôi, 01 sản phẩm cá, 01 sản phẩm lâm nghiệp, cụ thể như sau:

**a) Lĩnh vực trồng trọt:** Có 08 sản phẩm được thực hiện hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bao gồm: Cam, chè, lạc, mía, nấm, lúa, ngô, rau, chanh, gừng:

**(1) Liên kết sản xuất và tiêu thụ cam:** Có 01 công ty tham gia liên kết (*Công ty Cổ phần cam sành Hàm Yên*): Liên kết tiêu thụ cam quả với 7 Tổ hợp tác tại 04 xã sản xuất cam sành VietGAP, tổng diện tích 296 ha (xã Minh Hương 01 tổ, diện tích 73 ha; xã Phù Lưu 02 tổ, diện tích 58 ha; xã Tân Thành 03 tổ, diện tích 123 ha; xã Yên Phú 01 tổ, diện tích 42 ha). Giá trị nông sản tiêu thụ khoảng 50 tỷ đồng.

Công ty phối hợp với các cơ quan chuyên môn của địa phương tổ chức các hội thảo, xây dựng một số mô hình vườn cam VietGAP tại xã Yên Phú, Tân Thành, Phù Lưu, Minh Hương...; cử cán bộ kỹ thuật trực tiếp của công ty có trình độ chuyên môn, hướng dẫn miễn phí cho người dân trong vùng về kỹ chăm sóc, kỹ thuật thu hái, bảo quản và sơ chế để làm ra sản phẩm Cam Sành có chất lượng tốt nhất. Vào vụ thu hoạch, công ty thu mua sản phẩm cam cho các hộ với giá cao hơn thị trường, sau đó tiêu thụ tại các siêu thị và chợ đầu mối ở địa bàn cả nước qua đó góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn.

**(2) Liên kết sản xuất và tiêu thụ chè:** Có 04 doanh nghiệp<sup>(1)</sup> và 07 hợp tác xã (HTX)<sup>(2)</sup> trên địa bàn tỉnh liên kết với hộ trồng chè sản xuất chè búp nguyên

<sup>1</sup> Các công ty cổ phần: Chè Mỹ Lâm, Chè Sông Lô, Chè Tân Trào, Chè núi Kia Tăng.

<sup>2</sup> HTX Ngân Sơn Trà, HTX Chè Vĩnh Tân, huyện Sơn Dương; Hợp tác xã chè Làng Bát, HTX Chè Tân Thái 168, HTX NLN Bạch Xa, huyện Hàm Yên; Hợp tác xã Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Sứ Anh, huyện Yên Sơn; HTX Nông nghiệp Tân Hợp, huyện Na Hang.

liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tùy từng doanh nghiệp, hợp tác xã mà có các hình thức liên kết khác nhau nhưng đều đảm bảo sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm gia tăng giá trị sản phẩm so với các sản phẩm chưa có liên kết.

- *Công ty Cổ phần chè Mỹ Lâm*: Tổng diện tích chè 420 ha (trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang 380 ha), trong đó diện tích công ty thuê của nhà nước và đang giao khoán cho công nhân là 180 ha; diện tích còn lại doanh nghiệp liên kết với hộ sản xuất đầu tư trồng chè để thu mua chè nguyên liệu Năng suất chè bình quân đạt 130 tạ/ha, giá thu mua bình quân cao hơn 10-15% so với giá thị trường. Hiện nay Công ty đã chuyển đổi trên 260 ha sang hình thức liên kết mới với việc thành lập các tổ dịch vụ thuốc BVTV, phân bón, thu hoạch; người nông dân chỉ thực hiện các công đoạn giám sát và các công việc phụ khác. Hình thức liên kết mới giúp doanh nghiệp quản lý tốt nguyên liệu đầu vào; nông dân tăng thu nhập, giảm thực hiện các công việc độc hại, vất vả như: phun thuốc, bón phân, thu hoạch.

- *Công ty Cổ phần chè Sông Lô*: Tổng diện tích chè 443 ha, trong đó diện tích công ty thuê của nhà nước là 282,8 ha. Toàn bộ vùng chè nguyên liệu của công ty đang được giao khoán cho hộ sản xuất, công ty thu mua chè búp tươi theo sản lượng giao khoán. Việc ổn định đầu ra giúp các hộ trồng chè yên tâm đầu tư sản xuất, năng suất nhiều vùng chè nguyên liệu đạt đến 250 tạ/ha/năm đã mang lại nguồn thu nhập cao và ổn định đối với người dân trồng chè.

- *Công ty Cổ phần chè Tân Trào*: Diện tích trồng chè 556 ha, trong đó diện tích chè đang thuê của nhà nước là 282,7 ha (đang đầu tư trồng lại 209 ha); diện tích chè doanh nghiệp liên kết với hộ sản xuất đầu tư là 273 ha. Toàn bộ vùng chè nguyên liệu của công ty đang được giao khoán cho hộ sản xuất; công ty chỉ đạo kỹ thuật, cung ứng vật tư và thu mua chè búp tươi theo sản lượng giao khoán; giá thu mua của công ty cao hơn 10-20% so với mặt bằng giá chè búp tươi ở thị trường.

- *Công ty Cổ phần chè Núi Kia tăng*: Liên kết với 19 hộ dân tại xã Hồng Thái, huyện Na Hang trồng trên 29 ha chè đặc sản giống Phúc Vân Tiên, Kim Tuyên. Từ việc sản xuất chè đặc sản đã giúp người dân nhận thức về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng và ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất chè đặc sản; xây dựng được thương hiệu và quảng bá chất lượng chè đặc sản của tỉnh. Sản phẩm chè nguyên liệu có chất lượng cao, an toàn nên được Công ty cổ thu mua với giá cao (25.000 đồng/kg chè búp tươi), cao hơn gấp khoảng 05 lần so với giá thu mua tại các công ty chè khác của tỉnh.

- *Các Hợp tác xã*: Liên kết với các hộ sản xuất, tổ hợp tác để đầu tư vùng nguyên liệu khoảng 105 ha chè, trong đó có 57 ha<sup>(3)</sup> chè được cấp chứng nhận VietGAP. Trong liên kết sản xuất, HTX hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ mua vật tư chăm sóc sau đó thu mua lại nguyên liệu chè tươi để chế biến, đã có 6,6 ha chè

---

<sup>3</sup> HTX Ngân Sơn Trà: 5,6 ha; Hợp tác xã chè Làng Bát: 17,57 ha; Hợp tác xã Dịch vụ sản xuất nông nghiệp Sứ Anh: 05 ha; HTX Nông nghiệp Tân Hợp: 29 ha.

được chứng nhận VietGAP. Từ đó đã giúp người dân thay đổi những hình thức canh tác truyền thống sản xuất theo tiêu chuẩn , đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, biết áp dụng những tiến bộ trong sản xuất vào thực tế, thu nhập của người dân đã được nâng lên đáng kể so với trước đây.

### (3) Liên kết sản xuất và tiêu thụ mía

*Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương:* Hàng năm ký hợp đồng liên kết sản xuất mía với trên 25.000 hộ dân trồng trên 10.000 ha mía; đến năm 2018 giảm diện tích còn 8.098 ha với trên 20.000 hộ trồng mía trên địa bàn toàn tỉnh. Năm 2018 công ty ký hợp đồng liên kết sản xuất với HTX nông lâm nghiệp Tam Đa để sản xuất 270 ha mía nguyên liệu.

Công ty cam kết thu mua, liên kết chặt chẽ ngay từ ban đầu nên người dân khá yên tâm với đầu ra của cây mía. Ngoài ra, Công ty đã ban hành bộ chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía nhằm hỗ trợ kịp thời cho người trồng mía, trong đó có nhiều chính sách khuyến khích áp dụng để phát triển vùng nguyên liệu mía, như hỗ trợ phát triển diện tích chuyển đổi cây trồng, tích tụ ruộng đất; xây dựng mô hình thâm canh, tưới, trồng mới, trồng lại; hỗ trợ làm đất bằng máy; cung ứng phân bón hữu cơ khoáng và các loại vật tư khác; chính sách thu mua, hỗ trợ tiền lãi đầu tư ứng trước và cam kết giá thu mua mía nguyên liệu bình quân không thấp hơn giá mua tại các tỉnh phía bắc.

Năng suất mía bình quân đạt từ 59,5 tấn/ha đến 63,2 tấn/ha; sản lượng hàng năm đạt hơn 600.000 tấn/năm bảo đảm nguyên liệu ép cho hai nhà máy chế biến của Công ty trên địa bàn tỉnh, tạo thu nhập ổn định nhiều năm cho hơn 20 nghìn hộ trồng mía. Với giá thu mua mía nguyên liệu ổn định trên 900.000 đồng/tấn và năng suất, chất lượng mía tăng dần theo các năm, tổng thu nhập của người trồng mía bình quân đạt trên 35 triệu đồng/ha/năm.

(4) Liên kết sản xuất và tiêu thụ lạc: Có 05 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ lạc, trong đó có 03 doanh nghiệp <sup>(4)</sup>, 05 HTX <sup>(5)</sup> và 426 hộ nông dân tham gia liên kết, với tổng diện tích thực hiện là 277 ha, sản lượng lạc tiêu thụ thông qua liên kết gần 600 tấn, giá trị hàng hóa tiêu thụ gần 11 tỷ đồng. Tuy nhiên các mô hình liên kết này chỉ thực hiện trong thời gian ngắn (01-02 vụ) và chỉ có 01 dự án sản xuất lạc theo chuỗi giá trị thực hiện trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới kéo dài trong 02 năm (2019-2020).

(5) Liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa: Có 04 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa, trong đó có 05 doanh nghiệp <sup>(6)</sup>, HTX NLN Yên Nguyên và khoảng 3.000 hộ nông dân tham gia liên kết, với tổng diện tích thực hiện là 396,2 ha,

---

<sup>4</sup> Các công ty: TNHH Sao Việt; giống cây trồng Nghệ An; CP giống Vật tư NLN Tuyên Quang (Trạm Vật tư Chiêm Hóa).

<sup>5</sup> Các HTX NLN: Phúc Sơn, Tân Mỹ, Hùng Mỹ, Minh Quang, Thổ Bình.

<sup>6</sup> Các công ty: TNHH Sao Việt; CP giống cây trồng Bắc Giang; CP giống cây trồng Bắc Giang; CP giống Vật tư NLN Tuyên Quang; CP giống vật tư NN công nghệ cao Phú Thọ.

sản lượng lúa tiêu thụ thông qua liên kết gần 170 tấn, giá trị hàng hóa tiêu thụ gần 1,4 tỷ đồng.

Đối với cây lúa diện tích tham gia liên kết tương đối lớn nhưng sản lượng tiêu thụ và giá trị hàng hóa tiêu thụ thông qua liên kết rất ít. Nguyên nhân phần lớn người dân khi thu hoạch đã sử dụng sản phẩm phục vụ đời sống, số sản phẩm còn lại mới bán cho doanh nghiệp.

**(6) Liên kết sản xuất và tiêu thụ rau:** Có 08 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ rau, trong đó có 04 mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và HTX, 01 mô hình liên kết giữa HTX với nông dân, 03 mô hình doanh nghiệp liên kết với nông dân. Trong 08 mô hình liên kết có 06 doanh nghiệp<sup>(7)</sup>, 04 HTX<sup>(8)</sup> và 51 hộ dân tham gia liên kết, với quy mô thực hiện trên 83 ha, sản lượng rau tiêu thụ thông qua liên kết khoảng trên 5.000 tấn, giá trị hàng hóa tiêu thụ khoảng 12,9 tỷ đồng.

**(7) Trồng Nấm:** Có 03 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ bầu nấm và nấm thương phẩm, trong đó có 02 doanh nghiệp<sup>(9)</sup>, 03 HTX<sup>(10)</sup> tham gia liên kết, với quy mô thực hiện 13.000 tấn nấm thương phẩm và 20 nghìn bầu nấm tiêu thụ thông qua liên kết, giá trị hàng hóa tiêu thụ khoảng 1,5 tỷ đồng.

**(8) Cây Chanh:** Có 02 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ chanh, trong đó mô hình liên kết giữa Công ty Maruboshi – Nhật Bản liên kết với HTX nông nghiệp Việt Nhật AMS để trồng 400 ha chanh Nhật, kết quả năm 2018 đã trồng 08 ha; mô hình liên kết giữa HTX trồng rau và cây ăn quả Đội Cấn liên kết với nông dân trồng 18 ha chanh.

### ***b) Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản***

Có 05 sản phẩm được thực hiện hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bao gồm: Trâu, bò, lợn, dê, gà, vịt. Trong đó:

- Liên kết trong chăn nuôi trâu bò có 03 mô hình, trong đó có mô hình Hợp tác xã công nghệ cao Tiến Thành Tuyên Quang liên kết với 15 HTX, tổ hợp tác chăn nuôi và tiêu thụ trâu bò thương phẩm từ năm 2017 đến nay đã sản xuất, tiêu thụ được 526 con trâu, 381 con bò; khối lượng tiêu thụ qua liên kết là 266,7 tấn, giá trị hàng hóa tiêu thụ 17,8 tỷ đồng.

- Liên kết trong chăn nuôi lợn có 03 mô hình. Trong đó có 02 mô hình HTX liên kết với nông dân, 01 mô hình doanh nghiệp liên kết với trang trại. Điển hình nhất là mô hình HTX sản xuất và chế biến thực phẩm Sáng Nhung liên kết sản xuất và tiêu thụ lợn thương phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn

---

<sup>7</sup> Các công ty: TNHH Đồng Tâm Phú Thọ, TNHH sản xuất và TM Hoàng Hòa – Vĩnh Phúc, Tivitan – Hà Nội, may MSA YB – Tuyên Quang, TNHH măng tây xanh Hạ Hiệp – Nghệ An, TNHH TM và xuất nhập khẩu Việt Thắng – Hải Dương.

<sup>8</sup> HTX NLN Yên Nguyên, HTX NLN Hòa Phú, HTX dịch vụ sản xuất nông nghiệp Xanh ; HTX dịch vụ công nghệ cao Thịnh Cường.

<sup>9</sup> Công ty cổ phần tư vấn phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ, Công ty đào tạo Á Đông.

<sup>10</sup> HTX NLN Sơn Nam, HTX Nấm sạch Bình Yên, HTX NLN Sâm Dương.

VietGAP, khối lượng sản phẩm tiêu thụ qua liên kết từ năm 2016 đến nay được 1.450 tấn, giá trị hàng hóa tiêu thụ qua liên kết đạt 69 tỷ đồng.

- Liên kết chăn nuôi dê: Có 02 mô hình liên kết chăn nuôi dê thương phẩm, trong đó có 01 mô hình HTX NLN Thổ Bình liên kết với 34 hộ dân liên kết chăn nuôi dê thực hiện từ năm 2018 được hỗ trợ từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM và 01 mô hình Tổ hợp tác chăn nuôi thôn Vằng Áng liên kết với thương lái sản xuất và tiêu thụ dê.

- Liên kết trong chăn nuôi gà: Có 02 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ gà, trong đó có 01 mô hình doanh nghiệp liên kết với nông dân và 01 mô hình HTX liên kết với HTX, giá trị hàng hóa tiêu thụ thông qua liên kết đạt trên 9,5 tỷ đồng.

- Liên kết trong chăn nuôi cá: Công ty TNHH Lâm sản và dịch vụ Long Giang liên kết với 06 hộ gia đình nuôi cá, với quy mô 12 lồng nuôi, thực hiện từ năm 2015 đến nay, đã tiêu thụ được 14,4 tấn cá, giá trị hàng hóa tiêu thụ qua liên kết là 980 triệu đồng.

### ***c) Lĩnh vực lâm nghiệp***

- Công ty cổ phần Woosland liên kết, ứng vốn để đầu tư làm chứng chỉ cho các công ty Lâm nghiệp thuộc tỉnh theo hình thức, ứng vốn không lãi và trả dần bằng gỗ nguyên liệu. Giá trị tăng thêm khi được cấp chứng chỉ công ty cam kết mua cao hơn giá thị trường là 150.000/m<sup>3</sup>. Hiện nay đã cấp chứng chỉ rừng 11.583,9 ha.

- Công ty cổ phần Woodland đã triển khai liên kết cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho nhóm hộ gia đình, trong đó doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí, kỹ thuật để được cấp chứng chỉ và bao tiêu sản phẩm. Giá trị tăng thêm khi được cấp chứng chỉ công ty cam kết mua cao hơn giá thị trường là 150.000/m<sup>3</sup>. Đến nay, đã cấp chứng chỉ cho 3.101,9 ha/509 hộ <sup>(11)</sup>.

- Các công ty cổ phần, hợp tác xã cũng liên kết với các nhóm hộ gia đình cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho 2.591,4 ha rừng/1.011 hộ. Cụ thể: Công ty CP phát triển nông lâm nghiệp Phú Lâm (đại diện cho nhóm hộ gia đình Tiến Huy, xã Tiến Bộ) cấp chứng chỉ 1.451,8 ha/668 hộ; Hợp tác xã sản xuất nông lâm nghiệp Đông Hưng (đại diện cho nhóm hộ Chứng chỉ rừng Đông Hưng, xã Nhữ Hán) cấp chứng chỉ 1.139,6 ha/343 hộ.

## **2. Về cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn**

Hiện nay, tỉnh đang thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ ngành nông nghiệp tác động đến hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp, bao gồm: Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh;

---

<sup>11</sup> Trong đó: Xã Tiến Bộ 218,4 ha/13 hộ; xã Công Đa 448,3 ha/124 hộ; xã Phú Thịnh 424 ha/110 hộ, xã Nhữ Hán 624,4 ha/14 hộ, xã Tân Tiến 420 ha/81 hộ, xã Tân Mỹ 782,7 ha/123 hộ, xã Hùng Mỹ 184 ha/44 hộ.

chính sách theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh; chính sách hỗ trợ tưới tiên tiến cho cây trồng cạn theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND; chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh...

Nhằm khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh, ngày 17/7/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND Quy định về hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Kết quả thực hiện Đã hướng dẫn xây dựng và tổ chức thẩm định 06 dự án cánh đồng lớn, kết quả:

- Có 02 dự án sản xuất giống lúa phê duyệt được triển khai thực hiện, tuy nhiên lồng ghép vào thành 01 dự án do Công ty Cổ phần giống vật tư nông lâm nghiệp Tuyên Quang làm chủ Dự án; được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án tại Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 9/5/2018. Tổng kinh phí thực hiện 18,19 tỷ đồng (Doanh nghiệp và nhân dân góp vốn 17,747 tỷ đồng; Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 444,71 triệu đồng; (hỗ trợ Công ty cổ phần Giống vật tư NLN Tuyên Quang: 25,46 triệu đồng; hỗ trợ hợp tác xã nông lâm nghiệp Yên Nguyên: 81,75 triệu đồng; hỗ trợ nông dân: 337,5 triệu đồng). Năm 2018 Công ty đã triển khai thực hiện sản xuất 45,28 ha hạt lúa lai F1 giống Nhị ưu 838 và LC 270 (vụ xuân 25,04 ha; vụ mùa 20,24 ha), sản lượng đạt 71,4 tấn lúa giống (vụ xuân 41,4 tấn; vụ mùa 30 tấn) với 30 hộ dân tham gia. Đã tổ chức tập huấn tại Hoàng Khai với 30 người tham gia sản xuất hạt lai F1. Công ty đã thu mua toàn bộ lượng hạt giống sản xuất ra, góp phần cung ứng giống lúa lai có chất lượng, giảm giá thành, tăng thu nhập cho nông dân từ 20-30% so với sản xuất lúa thương phẩm.

- Có 04 dự án sản xuất lạc giống và lạc thương phẩm tại huyện Chiêm Hóa không triển khai thực hiện, do UBND huyện Chiêm Hóa đề nghị tạm thời chưa thực hiện vì trùng với chương trình hỗ trợ của huyện đối với 04 dự án này.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã hỗ trợ các huyện, thành phố thực hiện 41 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị hàng hóa, kinh phí hỗ trợ 41,3 tỷ đồng.

## **II. Đánh giá chung**

### **1. Thuận lợi**

Việc thực hiện hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, các hộ nông dân cơ bản đã góp phần hạn chế tình trạng “được mùa mất giá”, nông sản hàng hóa sản xuất ra có thị trường tiêu thụ, tạo ra giá trị gia tăng sản phẩm và phát triển bền vững.

Mối liên kết tốt giữa nông dân với HTX, doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã giúp người sản xuất tiếp cận và hội nhập nhanh với kinh tế thị trường, thực hiện tốt các cam kết giữa doanh nghiệp, HTX và nông dân trong sản xuất đã tạo ra các sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường. Từ đó phát huy thế mạnh của từng địa phương, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hoá gắn với tiêu thụ sản phẩm, nâng cao thu nhập cho nông dân; thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Việc hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm đã hình thành được các vùng sản xuất tập trung, liên kết sản xuất như: liên kết trong sản xuất và tiêu thụ vùng Cam, Chè, trồng rừng nguyên liệu giấy, nguyên liệu mía...

## **2. Khó khăn**

Sản xuất nông nghiệp hàng hoá trên địa bàn tỉnh quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ; năng suất, chất lượng, giá trị và thu nhập còn thấp, sức cạnh tranh hạn chế; sản xuất phát triển chưa bền vững, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Một số sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm ngành nông nghiệp chưa được nhiều doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân liên kết để sản xuất, chế biến và tiêu thụ thực sự trở thành sản phẩm hàng hóa có hiệu quả bền vững. Một số mô hình liên doanh, liên kết và việc thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá chưa hiệu quả.

Một số doanh nghiệp thực hiện liên kết với nông dân, HTX trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn thiết chặt chẽ nên giá trị nông lâm sản còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu thị trường, sản xuất chưa gắn kết được các khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Các cơ quan quản lý nhà nước, các hiệp hội chưa kết nối được nhiều doanh nghiệp đầu tàu tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân; số lượng mô hình liên kết sản xuất hạn chế, chưa có nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị được thực hiện; việc tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng chưa nhiều; một số địa phương người dân chưa quen với sản xuất hàng hóa.

## **3. Nguyên nhân**

Nguyên nhân của những tồn tại nêu trên, ngoài tác động của các yếu tố khách quan về thời tiết, giá cả, dịch bệnh, còn có những yếu tố hết sức quan trọng cần được quan tâm giải quyết, đó là:

- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất hàng hóa còn hạn chế, nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông phục vụ cho phát triển vùng nguyên liệu; Quy mô sản xuất của hộ nông dân trong tỉnh nhỏ, manh mún gây khó khăn cho cơ giới hoá sản xuất; cả thị trường nông sản biến động, các doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân chưa tham gia bảo hiểm nông nghiệp, dự trữ nguồn lực để tái sản xuất khi nông sản mất giá.

- Ý thức sản xuất của người dân một số vùng còn mang tính sản xuất nhỏ và còn có tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư hỗ trợ của nhà nước.

- Kinh nghiệm và năng lực của đội ngũ cán bộ trong việc xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, đôn đốc, gắn kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

- Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, HTX tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở, ngành, tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, PTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đại Thành**